TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-ST
Ngày 21/6/2018
"V/v *Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yến Ngọc.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đình Quang.

2. Bà Nguyễn Thị Như Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2017/TLST- DS ngày 15/11/2017 về việc " Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N. Địa chỉ: 02 L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn T - Giám đốc chi nhánh Ngân hàng N huyện Đ Đông Gia Lai. Ủy quyền lại cho ông Phan Văn G - Trưởng phòng kế hoạch và kinh doanh chi nhánh Ngân hàng N huyện Đ Đông Gia Lai, theo văn bản ủy quyền số 72/NHNoĐPĐGL-QĐ ngày 25/10/2017. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Bá P, sinh năm 1975 và bà Trần Thị Lệ H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng N trình bày:

Ông Nguyễn Bá P và bà Trần Thị Lệ H có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai ký kết Hợp đồng tín dụng số 211/HĐTD ngày 24/3/2014 với Ngân hàng N thông qua Chi nhánh Ngân hàng N huyện Đ Đông Gia Lai để vay số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng); Thời hạn cho vay là 24

tháng (từ ngày 24/3/2014 đến 24/3/2016); Mục đích: sửa chữa nhà ở, mua xe máy và mua đồ dùng gia đình; Lãi suất 13%/ năm; định kỳ trả lãi 6 tháng/01 lần vào ngày 24 (có thỏa thuận thu dần theo tháng). Kế hoạch trả nợ: ngày 24/3/2015 trả 40.000.000đồng tiền gốc; ngày 24/3/2016 trả 100.000.000đồng tiền gốc.

Hình thức bảo đảm tiền vay: Ngân hàng N nhận thế chấp tài sản là nhà và đất của ông Nguyễn Bá P và bà Trần Thị Lệ H tại thôn H, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 244110 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 02/11/2005 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 211/HĐTC ngày 24/3/2014.

Nhưng ông P và bà H chỉ trả lãi (cả trong hạn và quá hạn) đến ngày 25/11/2015 là 30.838.891 đồng. Đã quá hạn trả gốc 40.000.000 đồng từ ngày 24/3/2015, toàn bộ khoản vay cả gốc và lãi chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25/3/2016. Tính đến ngày 15/11/2017 tổng số tiền ông P và bà H còn nợ ngân hàng là 190.125.834 đồng, trong đó tiền gốc: 140.000.000 đồng; tiền lãi là 50.125.834 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là ông Phan Văn G yêu cầu ông Nguyễn Bá P và bà Trần Thị Lệ H phải trả cho Ngân hàng N thông qua chi nhánh Ngân hàng N huyện Đ Đông Gia Lai toàn bộ số nợ gốc là : 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và nợ lãi đến ngày xét xử là 69.022.778đ (lãi trong hạn là 4.369.444đ; lãi quá hạn: 64.653.334đ). Tổng cộng số tiền phải trả là 209.022.778đ (Hai trăm lẻ chín triệu không trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng). Đồng thời yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 211/HĐTC ngày 24/3/2014.

Bị đơn ông Nguyễn Bá P trình bày tại bản tự khai ngày 15/12/2017: Ngày 24/3/2014 ông có vay Ngân hàng N thông qua chi nhánh Ngân hàng N huyện Đ Đông Gia Lai số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng), thời hạn 24 tháng, lãi suất 13%/năm. Vì từ đó tới nay vợ chồng ông ly hôn nhưng chưa phân chia tài sản. Ông yêu cầu bà H ở nhà đó thì phải trả toàn bộ gốc và lãi cho Ngân hàng. Còn nếu bà H ủy quyền giao lại căn nhà cho ông thì ông sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ Ngân hàng.

Đồng bị đơn là bà Trần Thị Lệ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không cung cấp lời khai nên không có lời khai tại hồ sơ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông Nguyễn Bá P chỉ cung cấp 01 bản tự khai; còn bà Trần Thị Lệ H không đến tòa cung cấp lời khai trong hồ sơ vụ án. Tại các phiên hòa giải ông P, bà H không đến nên Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/02/2018 và ngày 10/5/2018 các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: 01 quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐQT-PC ngày 19/6/2014 do Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án (Bản sao chứng thực); 01 Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ

tố tụng và thi hành án số 72 ngày 25/10/2017; 01 Quyết định bổ nhiệm lại cán bộ (Bản sao); 01 giấy chứng minh nhân dân (bản sao chứng thực) của ông Phan Văn G; 01 Hợp đồng tín dụng số 211 ngày 24/3/2014 (Bản sao); 01 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 211/HĐTC ngày 24/3/2014 (Bản sao chứng thực); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 244110 do UBND huyện Đ cấp ngày 02/11/2005 (Bản sao); 01 giấy xác nhận tình trạng nhà ở (Pho to); 01 biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo số 211/HĐTD ngày 24/3/2014 (Bản sao); 01 bản kê đánh giá tài sản thế chấp vay ngân hàng (pho to); 01 đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 24/3/2014 (Bản sao); 01 biên bản kiểm tra sau khi cho vay (Bản sao); 02 Giấy báo nợ đến hạn (Bản sao); 01 Thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 25/3/2016 (Bản sao); 02 Giấy mời; 04 biên bản làm việc; 01 giấy đòi nợ kiêm thông báo khởi kiện; 01 bản tự khai của ông Phan Văn G. Bị đơn cung cấp: 01 bản tự khai của ôngNguyễn Bá P.

Những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: 01 biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2018.

Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật

Về điều luật áp dụng: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299; Điều 300; Điều 303; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 467; Điều 468; Điều 357; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Nguyễn Bá P và bà Trần Thị Lệ H phải trả cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền đã vay và lãi suất tiền vay, thông qua Chi nhánh Ngân hàng hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Đ Đông Gia Lai.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Bá P và bà Trần Thị Lệ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc ông Nguyễn Bá P và bà Trần Thị Lệ H, trú tại thôn H, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai trả toàn bộ khoản nợ vay cùng với lãi suất. Theo

quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai .

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã triệu tập ông Nguyễn Bá P và bà Trần Thị Lệ H nhiều lần, nhưng ông P và bà H không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó Tòa án tiến hành theo quy định tại khoản 3 Điều 173 và Điều 179, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

2. Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai tại phiên tòa và các chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Ông Nguyễn Bá P và bà Trần Thị Lệ H có ký kết Hợp đồng tín dụng số 211/HĐTD ngày 24/3/2014 với Ngân hàng N thông qua Chi nhánh Ngân hàng N huyện Đ, Đông Gia Lai để vay số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng); Thời hạn cho vay là 24 tháng kể từ ngày 24/3/2014; Mục đích sử dụng tiền vay: sữa chữa nhà ở + Mua xe máy và mua đồ dùng trong gia đình. Lãi suất 13%/ năm; lãi suất cho vay phải áp dụng theo lãi suất có điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/1 lần; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận. Hai bên thỏa thuận kế hoạch trả nợ: ngày 24/3/2015 trả 40.000.000 đồng tiền gốc; ngày 24/3/2016 trả 100.000.000 đ tiền gốc.

Xét về hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nhưng đang thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của bộ luật này nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp. Hợp đồng giữa Ngân hàng N và ông Nguyễn Bá P và bà Trần Thị Lệ H là hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận kỳ hạn trả nợ, thỏa thuận lãi và thỏa thuận về mục đích sử dụng vốn vay, nhưng ông P, bà H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Bá P và bà Trần Thị Lệ H phải trả toàn bộ số tiền vay và lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 467, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông P và bà H phải trả cho Ngân hàng N thông qua chi nhánh Ngân hàng N huyện Đ Đông Gia Lai toàn bộ số nợ gốc là 140.000.000 đồng và nợ lãi đến ngày xét xử là 69.022.778đ (lãi trong hạn là 4.369.444đ; lãi quá hạn: 64.653.334đ). Tổng cộng: 209.022.778đ (Hai trăm lẻ chín triệu không trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng). Xét yêu cầu của nguyên đơn nếu ông Nguyễn Bá P và bà Trần Thị Lệ H không thanh toán được khoản nợ trên thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 211/HĐTD ngày 24/3/2014. Hội đồng xét xử xét thấy việc thế chấp tài sản để vay vốn giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật. Trường hợp ông Nguyễn Bá P và bà Trần Thị Lệ H không thanh toán được nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng N theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 211/HĐTD ngày 24/3/2014 là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Bá P: Ông P thừa nhận ngày 24/3/2014 vợ chồng ông có vay Ngân hàng N số tiền 140.000.000 đồng. Thời gian sau đó ông và bà H ly hôn nhưng chưa giải quyết phần tài sản chung. Nếu bà H ở nhà đó thì phải trả toàn bộ gốc và lãi cho Ngân hàng. Còn nếu bà H ủy quyền giao lại căn nhà cho ông thì ông sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ Ngân hàng. Yêu cầu của ông P không được bà H và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N đồng ý nên không có cơ sở để xem xét.

3. Xét về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Để có cơ sở cho Tòa án xử lý tài sản thế chấp đúng quy định pháp luật Ngân hàng N có đơn đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp và nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Tại phiên tòa Ngân hàng N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Bá P và bà Trần Thị Lệ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299; Điều 300; Điều 303; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 467; Điều 468; Điều 357; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Nguyễn Bá P và bà Trần Thị Lệ H phải liên đới trả cho Ngân hàng N thông qua chi nhánh Ngân hàng N huyện Đ Đông Gia Lai 209.022.778đ (Hai trăm lẻ chín triệu không trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng).

Việc tính lãi và lãi suất quá hạn đối với các khoản vay của các tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết, kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Trường hợp ông Nguyễn Bá P và bà Trần Thị Lệ H không thanh toán được khoản nợ trên thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng cùng với số tiền lãi và lãi suất quá hạn phát sinh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 211/HĐTD ngày 24/3/2014.

Tài sản thế chấp là nhà và đất ở thôn H, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (thửa đất số 195a, tờ bản đồ số 01) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 244110 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 02/11/2005.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì buộc ông Nguyễn Bá P và bà Trần Thị Lệ H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền còn nợ và tiền lãi phát sinh.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Buộc ông Nguyễn Bá P và bà Trần Thị Lệ H phải liên đới nộp 10.451.138đ (Mười triệu bốn trăm năm mươi mốt nghìn một trăm ba mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng N thông qua Chi nhánh Ngân hàng N huyện Đ Đông Gia Lai số tiền tạm ứng án phí 4.753.146đ (Bốn triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004227 ngày 09/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Ngân hàng N đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/6/2018) các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Gia Lai;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Yến Ngọc